

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
TỈNH HẬU GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 78/2020/DS - PT

Ngày: 09/7/2020

“V/v tranh chấp di sản thừa kế”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HẬU GIANG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Võ Thị Phương

*Các Thẩm phán:* Ông Hồ Văn Luông

Ông Nguyễn Hồ Tâm Tú

*Thư ký phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Hol – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Hậu Giang.

**Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hậu Giang:** Ông Nguyễn Văn Hòa – Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 09 tháng 7 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Hậu Giang công khai xét xử phúc thẩm vụ án thụ lý số: 167/2019/TLPT - DS ngày 02 tháng 12 năm 2019 về việc tranh chấp tranh chấp di sản thừa kế.

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 144/2019/DS - ST ngày 19 tháng 9 năm 2019 của Tòa án nhân dân thành phố V, tỉnh Hậu Giang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 64/2020/QĐ - PT ngày 31/3/2020; Quyết định hoãn phiên tòa số 17/2020/QĐ - PT ngày 21/4/2020 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn:

1.1. Ông Ngô Văn H (Có mặt).

Địa chỉ: ấp H2, xã T, thành phố V, tỉnh Hậu Giang.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho ông H: Ông Vũ Anh Q – Trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh Hậu Giang (Có mặt).

1.2. Bà Ngô Thị T (Có mặt).

Địa chỉ: Ấp H2, xã T, thành phố V, tỉnh Hậu Giang.

1.3. Bà Ngô Thị Đ1 (Có mặt) .

Địa chỉ: Ấp 3, xã Vị Tân, thành phố V, tỉnh Hậu Giang.

1.4. Bà Ngô Thị Y.

Địa chỉ: Ấp C, xã Đ, huyện T, tỉnh Kiên Giang.

Người đại diện hợp pháp (theo văn bản ủy quyền ngày 16/10/2019) của bà Ngô Thị Y: Bà Nguyễn Thị T (Có mặt).

Địa chỉ: Ấp H 2, xã T, thành phố V, tỉnh Hậu Giang.

2. Bị đơn: Ông Ngô Minh Đ (Có mặt).

Địa chỉ: Ấp H 2, xã T, thành phố V, tỉnh Hậu Giang.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn: Luật sư Trần Thị M – Văn phòng Luật sư BM (Có mặt).

Địa chỉ: phường A, quận N, thành phố Cần Thơ.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1. Bà Nguyễn Thị A.

3.2. Chị Ngô Thị Ngọc D.

3.3. Chị Ngô Thị Ngọc E.

3.4. Chị Ngô Ngọc Q.

Địa chỉ: Ấp H 2, xã T, thành phố V, tỉnh Hậu Giang.

Người đại diện hợp pháp của chị Ngô Thị Ngọc D, chị Ngô Thị Ngọc E, chị Ngô Ngọc Q, bà Nguyễn Thị A: Ông Đ.

Địa chỉ: Ấp H 2, xã T, thành phố V, tỉnh Hậu Giang.

3.5. Anh Ngô Ngọc N (Vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp H 2, xã T, thành phố V, tỉnh Hậu Giang.

3.6. Bà Lưu Thị B (Có mặt).

3.7. Anh Ngô Văn Hoàng P (Có mặt).

3.8. Anh Ngô Văn T.

3.9. Anh Ngô Văn O.

Cùng địa chỉ: Ấp H 2, xã T, thành phố V, tỉnh Hậu Giang.

Người đại diện hợp pháp của anh Ngô Văn T, anh Ngô Văn O: Bà Lưu Thị B.

Địa chỉ: Ấp H 2, xã T, thành phố V, tỉnh Hậu Giang.

3.10. Bà Nguyễn Thị T (Có mặt).

Địa chỉ: Ấp H 2, xã T, thành phố V, tỉnh Hậu Giang.

3.11. Bà Ngô Thị Kim U (Có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt).

Địa chỉ: Khu vực A, phường N, thành phố V, tỉnh Hậu Giang.

3.12. Ủy ban nhân dân thành phố V, tỉnh Hậu Giang.

Người đại diện hợp pháp: Bà Lê Nguyễn Hiền D. Trưởng phòng Tài nguyên và Môi trường thành phố V, tỉnh Hậu Giang (Có mặt).

3.13. Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam.

Người đại diện hợp pháp: Ông Lương Quốc H. Trưởng phòng KHKD – Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn – Chi nhánh thành phố V, tỉnh Hậu Giang (Có văn bản từ chối tham gia tố tụng).

4. Người kháng cáo: Nguyên đơn ông H, bà Ngô Thị T, bà Ngô Thị Đ1, bà Ngô Thị Y.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo bản án sơ thẩm và các tài liệu có trong hồ sơ thì nội dung vụ án như sau:

*Nguyên đơn do ông H trình bày:* Cha ông tên Ngô Văn K, mẹ ông tên Hồ Thị R, có 07 người con là ông H, bà T, bà Đ1, bà Y, ông Q (đã chết), ông Đ, bà U. Năm 1970 cha ông chết, đến năm 1987 mẹ ông chết để lại 03 phần đất do cha mẹ khai hoang, chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Năm 1990 ông đứng ra chia đất cho các em trai có sự chứng kiến của chú ruột đại diện dòng họ, việc chia đất không có làm giấy tờ, chỉ nói miệng. Đất cha mẹ ông để lại gồm những phần như sau:

Phần đất thứ nhất: Diện tích 08 công tại, ấp H 2, xã T, thành phố V, tỉnh Hậu Giang có nhà và phần mộ của cha mẹ, ông được chia phần đất này và được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất năm 2002, trong phần đất này ông có cho em gái là bà Ngô Thị Kim U sử dụng 5,6 công. Năm 2005, em gái ông là bà Ngô Thị Kim U khởi kiện tranh chấp quyền sử dụng đất và được Toà án nhân dân tỉnh Hậu Giang xét xử ổn định cho bà U 5,6 công. Hiện nay ông còn đang sử dụng 2,4 công chưa làm lại giấy tờ.

Phần đất thứ hai: Diện tích 13 công tại ấp H 2, xã T, thành phố V, tỉnh Hậu Giang đã chia cho em trai ông là ông Ngô Văn Q, đến năm 1995 ông Q chết nên vợ ông Q là bà Lưu Thị B quản lý đất và kê khai làm giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vào năm 2002, đến năm 2003 bà B đã chuyển nhượng 04 công cho ông Dương Thanh S, hiện nay còn lại 09 công.

Phần đất thứ ba: Diện tích 21 công tại Kênh CM, ấp H 2, xã T, thành phố V, tỉnh Hậu Giang chia làm hai phần ông  $\frac{1}{2}$  và ông Đ  $\frac{1}{2}$ , có sự chứng kiến của bà Lưu Thị B. Đến năm 2001 ông Đ tự ý làm giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đứng tên hết phần đất này mà ông không biết.

Nay các em gái về đòi chia đất nên ông H yêu cầu chia đất lại, cụ thể như sau:

1. Đối với phần đất tại kênh CM, có Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đứng tên ông Đ và vợ là bà Nguyễn Thị A. Ông H yêu cầu chia thừa kế toàn bộ phần đất ruộng tại kênh CM (thửa 319) theo diện tích đo đạc thực tế của Trung tâm kỹ thuật Tài nguyên Môi trường mà Tòa án nhân dân tỉnh Hậu Giang đã thẩm định. Yêu cầu chia bằng hiện vật, chia đều cho tất cả các đồng thừa kế 06 người gồm ông H, ông Đ, bà T, bà Đ1, bà Y, bà B. Riêng bà U có phần rồi nên không chia.

2. Đối với phần đất tại đường PH, có Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do bà Lưu Thị B đứng tên:

- Đối với thửa đất số 200, trên đất có nhà của bà Lưu Thị B. Ông H yêu cầu chia thừa kế toàn bộ theo diện tích đo đạc thực tế của Trung tâm kỹ thuật Tài

nguyên Môi trường mà Tòa án tỉnh Hậu Giang đã thẩm định. Yêu cầu chia bằng hiện vật, chia đều cho tất cả các đồng thừa kế gồm 06 người gồm ông H, ông Đ, bà T, bà Đ1, bà Y, bà B. Riêng bà U có phần rồi nên không chia.

- Đối với thửa đất số 192, ông Hạnh yêu cầu chia thừa kế toàn bộ theo diện tích đo đạc thực tế của Trung tâm kỹ thuật Tài nguyên Môi trường mà Tòa án tỉnh Hậu Giang đã thẩm định. Yêu cầu chia bằng hiện vật, chia đều cho tất cả các đồng thừa kế gồm 06 người gồm ông H, ông Đ, bà T, bà Đ1, bà Y, bà B. Riêng bà U có phần rồi nên không chia.

Đối với phần đất diện tích 04 công tại thửa số 200 bà Lưu Thị B đã chuyển nhượng cho ông Dương Thanh S thì ông không yêu cầu chia.

3. Đối với phần đất tại sông X, chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Ông H yêu cầu được chia toàn bộ phần đất này, không chia thừa kế cho ai. Trên phần này có 02 căn nhà, 01 căn nhà tình nghĩa ông được nhà nước cấp, 01 căn nhà cây do ông tự cất. Căn nhà tình nghĩa Nhà nước cho phần tiền có giá trị 30 triệu đồng, ngoài ra không có đầu tư thêm, phần còn lại do vợ chồng ông Đ đầu tư thêm để cất nhà cùng ở chung. Ông yêu cầu được quyền sử dụng toàn bộ 02 căn nhà. Ông đồng ý cho gia đình ông Đ tiếp tục ở. Ông thống nhất diện tích thực tế đo đạc của Trung tâm kỹ thuật Tài nguyên Môi trường mà Tòa án nhân dân tỉnh Hậu Giang đã thẩm định. Ngoài ra ông không có yêu cầu nào khác.

*Các đồng nguyên đơn là bà Ngô Thị Đ1, bà Ngô Thị T, bà Ngô Thị Y cùng trình bày:* Trước đây các bà không biết về việc phân chia đất của các anh em trai. Nay yêu cầu chia thừa kế toàn bộ phần đất ruộng tại Kênh CM do ông Đ đứng tên và toàn bộ phần đất hiện còn của bà Lưu Thị B đứng tên cho tất cả các đồng thừa kế gồm 06 người là ông H, ông Đ, bà T, bà Đ1, bà Y, bà B. Riêng bà U đã có phần rồi nên không chia. Phần đất bà B đã chuyển nhượng cho người khác cũng không yêu cầu chia.

*Bị đơn là ông Đ trình bày:* Cha mẹ ông là ông Ngô Văn K (chết năm 1970), mẹ ông tên Hồ Thị R (chết năm 1987), có 07 người con như ông H trình

bày là đúng. Khi cha mẹ chết, ông H là anh cả và chú ruột tên Ngô Văn C1 (hiện đã chết) đứng ra chia đất cho các anh em trai. Ông H được chia 08 công, ông Q (đã chết) được chia 13 công và ông là con trai út được chia nhiều hơn là 21 công. Việc chia đất được thực hiện năm 1989, nhưng ông đã trực tiếp canh tác phần đất 21 công này từ năm 1980 (trước khi mẹ ông chết) để nuôi mẹ vì lúc đó mẹ đã già yếu. Khi chia đất tất cả các anh chị em trong gia đình đều biết và không ai có ý kiến gì. Nay ông không đồng ý với toàn bộ yêu cầu của các nguyên đơn, ông có ý kiến như sau:

+ Đối với phần đất tại kênh CM, thửa 319, ông không đồng ý chia thừa kế cho các đồng thừa kế khác. Yêu cầu Tòa án công nhận cho vợ chồng ông được quyền sử dụng toàn bộ thửa đất 319, diện tích theo diện tích đo đạc thực tế của Trung tâm kỹ thuật Tài nguyên Môi trường mà Tòa án tỉnh Hậu Giang đã thẩm định. Lý do phần đất này trước đây các anh em đã thống nhất chia cho ông, ông đã sử dụng ổn định, đã được Nhà nước cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất từ năm 2001 đến nay.

+ Đối phần đất tại đường PH do bà Lưu Thị B đứng tên, thửa 192, 200 ông không yêu cầu được chia thừa kế.

+ Đối với phần đất tại sông Cái Lớn, đã cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông H. Về phần đất, yêu cầu chia theo hiện trạng nhà ở. Nếu Tòa án giao nhà tình nghĩa cho ông thì ông không phải trả giá trị nhà cho ông H, vì căn nhà cây của ông H đang ở ông đã bỏ tiền ra sửa chữa, do đó khấu trừ giá trị nhà, còn phần đất thì ông đồng ý trả giá trị đất cho ông H. Còn nếu Tòa án giao nhà tình nghĩa cho ông H thì ông đồng ý di dời đi nơi khác ở, ông H có trách nhiệm trả giá trị nhà theo định giá của cơ quan có thẩm quyền. Ngoài ra, đối với cây trồng trên đất, nếu giao cho ông H phần đất này thì ông H có trách nhiệm trả cho ông bằng giá trị đã định giá.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Nguyễn Thị A trình bày: Thống nhất với lời trình bày và yêu cầu của ông Đ, ngoài ra không có yêu cầu nào khác. Vợ chồng bà sử dụng đất ổn định và đã được cấp giấy chứng nhận

quyền sử dụng đất từ năm 2001, các anh chị em trong gia đình đều biết và không có tranh chấp nên không đồng ý chia.

*Chị Ngô Thị Ngọc D, chị Ngô Thị Ngọc E, chị Ngô Ngọc Q do ông Đ đại diện trình bày:* Thống nhất với lời trình bày và yêu cầu của ông Đ, ngoài ra không có yêu cầu nào khác.

*Anh Ngô Ngọc N trình bày:* Thống nhất với lời trình bày và yêu cầu của ông Đ, ngoài ra không có yêu cầu nào khác.

*Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Lưu Thị B đồng thời là người đại diện hợp pháp của anh Ngô Văn T, anh Ngô Văn O trình bày:* Thống nhất nhập phần đất ruộng tại kênh CM do ông Đức đứng tên và toàn bộ phần đất tại đường PH do bà B đứng tên lại và chia đều cho tất cả các đồng thừa kế. Đối với phần đất có 02 căn nhà tại Sông X không yêu cầu được chia thừa kế. Phần này để ông H và ông Đ tự phân chia. Tại phiên toà bà Lưu Thị B thay đổi lời trình bày, cụ thể: Nếu pháp luật giải quyết chia phần đất của ông Đ như các nguyên đơn yêu cầu thì bà mới đồng ý chia phần đất của bà đang đứng tên trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Nếu không chia phần đất của ông Đ đứng tên thì bà cũng không đồng ý chia phần đất của bà đang đứng tên.

*Anh Ngô Văn Hoàng P tại phiên toà trình bày:* Đồng ý với ý kiến của bà B, không có ý kiến gì khác.

*Bà Nguyễn Thị T trình bày:* Bà là vợ của ông H, bà thống nhất với ý kiến và yêu cầu của ông H, ngoài ra không có yêu cầu gì khác.

*Bà Ngô Thị Kim U trình bày:* Bà thống nhất với yêu cầu chia di sản thừa kế của các nguyên đơn, không đồng ý chia phần đất của bà đã được công nhận theo bản án số 71/2005/DS - PT ngày 16/5/2005 của Toà án nhân dân tỉnh Hậu Giang, bà không có yêu cầu gì trong vụ án này. Tại phiên toà bà Ngô Thị Kim U vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

*Đại diện Ủy ban nhân dân thành phố V bà Lê Nguyễn Hiền D trình bày:* Phần đất tranh chấp chia di sản thừa kế của các đương sự đã được Ủy ban nhân dân thành phố V cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00350 ngày

04/9/2001 cho hộ ông Đ và bà Nguyễn Thị A thửa số 319, tờ bản đồ số 04, loại đất CNm với diện tích 21.451m<sup>2</sup>, tọa lạc tại ấp H 2, xã T, thành phố V. Về trình tự thủ tục cấp giấy đã thực hiện đúng theo quy định, đất đủ điều kiện cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định. Yêu cầu Tòa án giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

*Đại diện Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam ông Lương Quốc H đại diện trình bày:* Không có ý kiến gì trong vụ án này, nếu có Ngân hàng sẽ khởi kiện thành một vụ án khác.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số: 144/2019/DS - ST ngày 19 tháng 9 năm 2019 của Tòa án nhân dân thành phố V, tỉnh Hậu Giang đã tuyên xử như sau:

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của các nguyên đơn về việc yêu cầu chia di sản thừa kế.

1. Ôn định cho hộ ông Đ, bà Nguyễn Thị A được quyền sử dụng phần đất có diện tích 20.445,7m<sup>2</sup> thuộc thửa số 319, tờ bản đồ số 04 tọa lạc tại ấp H 2, xã T, thành phố V, tỉnh Hậu Giang. (Có lược đồ kèm theo)

Ôn định cho hộ ông H được quyền sử dụng phần đất có diện tích 2.678,7m<sup>2</sup> thuộc các thửa số 63, 64, 105, 520 tờ bản đồ số 04 tọa lạc tại V. (Có lược đồ kèm theo)

Ôn định cho hộ bà Lưu Thị B được quyền sử dụng phần đất diện tích 12.199,6m<sup>2</sup> thuộc các thửa số 192, 200 tờ bản đồ số 05 tọa lạc tại V. (Có lược đồ kèm theo).

Ngoài ra, bản án còn tuyên về án phí, quyền kháng cáo và quyền yêu cầu thi hành án của các đương sự.

Ngày 03 tháng 10 năm 2019 nguyên đơn ông H, bà Ngô Thị T, bà Ngô Thị Đ1, bà Ngô Thị Y có đơn kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm chia thừa kế đối với di sản là quyền sử dụng đất gồm các thửa 319 tờ bản đồ số 04; thửa số 192, 200 tờ bản đồ số 05 đất tọa lạc tại ấp H 2, xã T, thành phố V, tỉnh Hậu Giang.

Tại phiên tòa phúc thẩm: Nguyên đơn ông H, bà Ngô Thị T, bà Ngô Thị Đ1, bà Ngô Thị Y vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.



Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn ông H cho rằng các phần đất do cha mẹ các nguyên đơn để lại là di sản thừa kế và thời hiệu khởi kiện chia di sản thừa kế đối với vụ án này vẫn còn. Đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận đơn khởi kiện và đơn kháng cáo của nguyên đơn, chia di sản thừa kế cho các nguyên đơn theo quy định pháp luật.

Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn ông Đ phát biểu quan điểm: cho rằng thời hiệu khởi kiện đối với vụ án đã hết. Đại diện Ủy ban nhân dân thành phố V xác định việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Đ là đúng với trình tự thủ tục của Luật Đất đai, nên không có căn cứ xác định phần đất của ông Đ là di sản thừa kế. Đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm áp dụng điểm c khoản 1 Điều 688 Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 645 Bộ luật Dân sự năm 2005; Luật Đất đai năm 2013, không chấp nhận đơn khởi kiện, đơn kháng cáo của các nguyên đơn.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hậu Giang phát biểu quan điểm:

- Về tố tụng: Tòa án cấp phúc thẩm đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về nội dung vụ án: Đại diện Viện kiểm sát nhận định Tòa án cấp sơ thẩm đã có sai lầm trong đánh giá chứng cứ, xác định các phần đất do cụ Ngô Văn K và cụ Hồ Thị R để lại không phải là di sản thừa kế. Đồng thời cấp sơ thẩm vi phạm tố tụng không thu thập các chứng cứ liên quan về chị Ngô Ngọc Q đã đi định cư Hàn Quốc, là thiếu sót.

Những sai sót của cấp sơ thẩm không thể khắc phục được ở cấp phúc thẩm. Đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm áp dụng khoản 3 Điều 308 Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015, chấp nhận kháng cáo của các nguyên đơn, hủy toàn bộ bản án sơ thẩm, chuyển vụ án về Tòa án nhân dân thành phố V giải quyết lại theo thủ tục sơ thẩm.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, các quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng

[1.1] Trong khối di sản các nguyên đơn yêu cầu bị đơn chia thừa kế, có thừa đất 319, tờ bản đồ số 04, tọa lạc tại ấp H 2, xã T, thành phố V, tỉnh Hậu Giang. Phần đất này cấp cho Hộ của ông Đ. Tại thời điểm này ông H là chủ hộ và các thành viên hộ gia đình gồm ông Đ, bà Nguyễn Thị A, chị Ngô Thị Ngọc D, chị Ngô Thị Ngọc E, chị Ngô Ngọc Q, anh Ngô Ngọc N. Chị Ngô Ngọc Q là thành viên trong hộ gia đình, năm 2018 chị Q kết hôn và định cư ở Hàn Quốc tại thời điểm này vụ án chưa được xét xử sơ thẩm, chị Q chưa có văn bản nêu ý kiến của mình. Ngoài văn bản ủy quyền của chị Q cho cha ruột là ông Đ, Tòa án cấp sơ thẩm không thu thập tài liệu nào liên quan đến chị Q là thiếu sót.

[1.2] Về thời hiệu khởi kiện, cụ Ngô Văn K chết vào năm 1970; cụ Hồ Thị R chết năm 1987 trước khi Pháp lệnh Thừa kế có hiệu lực. Theo quy định tại Điều 623 Bộ luật Dân sự năm 2015, thời hiệu khởi kiện chia di sản thừa kế là bất động sản là 30 năm. Đối với trường hợp người để lại di sản chết trước năm 1987, thì thời hiệu chia di sản thừa kế được xác định từ ngày 10/9/1990 (Pháp lệnh thừa kế có hiệu lực pháp luật) (Giải đáp số 01/GĐ - TANDTC ngày 05/01/2018 của Tòa án nhân dân tối cao). Như vậy, thời hiệu khởi kiện chia di sản thừa kế (là quyền sử dụng đất) đối với vụ án này đến ngày 10/9/2020. Do đó, yêu cầu khởi kiện chia di sản thừa kế của các nguyên đơn được Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận để xem xét.

[1.3] Sau khi xét xử sơ thẩm nguyên đơn ông H, bà Ngô Thị T, bà Ngô Thị Đ1, bà Ngô Thị Y có đơn kháng cáo hợp lệ và còn trong thời hạn luật định và đúng theo quy định tại các Điều 271, 272, 273 Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015 nên được Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận đơn để xem xét theo trình tự phúc thẩm.

[2] Các nguyên đơn kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm chia di sản thừa kế quyền sử dụng đất của cụ Ngô Văn K và cụ Hồ Thị R.

[2.1] Cụ Ngô Văn K và cụ Hồ Thị R có tất cả 07 người con; gồm ông H, bà Ngô Thị Đ1, bà Ngô Thị Y, bà Ngô Thị T, ông Ngô Văn Q, ông Đ, bà Ngô Thị Kim U.

Sau khi cụ K và cụ R chết có để lại di sản thừa kế gồm 03 phần đất chưa được nhà nước cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Cụ K và cụ R chết không để lại di chúc, thì di sản thừa kế của R cụ phải được phân chia theo pháp luật cho hàng thừa

kế thứ nhất của hai cụ gồm ông H, ông Ngô Văn Q và ông Đ, bà Ngô Thị T, bà Ngô Thị Đ1, bà Ngô Thị Y và bà Ngô Thị Kim U. Năm 1990 ông H đứng ra chia đất cho 03 người con trai gồm ông H, ông Ngô Văn Q và ông Ngô Văn Đ. Việc chia đất của ông H không lập thành văn bản, có sự chứng kiến của chú ruột tên ông Ngô Văn C1 (đã chết), không có sự tham gia của các đồng hàng thừa kế khác như bà Ngô Thị Đ1, bà Ngô Thị Y, bà Ngô Thị T, bà Ngô Thị Kim U. Như vậy, việc phân chia di sản của ông H là trái với quy định của pháp luật đã tước đi quyền thừa kế của những người thừa kế là con gái của cụ R và cụ K. Tòa án cấp sơ thẩm nhận định cho rằng các phần đất tuy có nguồn gốc của cha mẹ các đương sự chết để lại nhưng đã được các anh em định đoạt cho 03 người con trai quản lý, sử dụng và đã được cơ quan có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông H, ông Đ, bà Lưu Thị B (vợ của ông Ngô Văn Q), là không có cơ sở và trái với quy định của Luật Đất đai, Bộ luật Dân sự, về căn cứ xác lập quyền sử dụng đất. Tòa án cấp sơ thẩm đã sai lầm trong đánh giá chứng cứ dẫn đến xác định sai nội dung cần được giải quyết của vụ án, làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của các đương sự trong vụ án.

[2.2] Ông Đ được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vào năm 2001, tại thửa số 319, diện tích 21.451m<sup>2</sup>. Về thời gian sử dụng đất của ông Đ từ năm 1989 đến năm 2001 chỉ 12 năm, không đủ cơ sở xác lập quyền sử dụng đất theo thời hiệu đối với bất động sản là 30 năm theo quy định tại Điều 236 Bộ luật Dân sự năm 2015. Đồng thời theo hồ sơ địa chính khi đăng ký quyền sử dụng đất ông Đ đứng tên chủ hộ cùng vợ là bà Nguyễn Thị A. Đất có nguồn gốc là di sản của cha mẹ để lại, nhưng không có chữ ký xác nhận của các đồng thừa kế, nhưng Ủy ban nhân dân thị xã V chấp nhận cấp giấy chứng nhận cho hộ của ông Đ là không đúng. Qua xem xét thẩm tại chỗ, Tòa án cấp sơ thẩm đã xác định được có một phần đất tại thửa 319 ông Đ và ông Trần Văn L đang có tranh chấp ranh quyền sử dụng đất, nhưng Tòa án cấp sơ thẩm không đưa ông Trần Văn L vào tham gia tố tụng là thiếu sót.

[2.3] Sau khi được phân chia quyền sử dụng đất có nguồn gốc của cha mẹ, ông Ngô Văn Q canh tác đến năm 1995 ông bệnh chết, vợ và các con của ông Q tiếp tục canh tác. Đến ngày 23/4/2002 bà Lưu Thị B được Ủy ban nhân dân thị xã V cấp giấy

chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa số 192, 200, với tổng diện tích 16.051m<sup>2</sup>. Đến ngày 17/02/2005 bà Lưu Thị B chuyển nhượng cho ông Dương Thanh S 3.869,5m<sup>2</sup>, diện tích còn lại 12.181,5m<sup>2</sup>. Tuy các đồng thừa kế với ông Ngô Văn Q không yêu cầu chia đôi với diện tích đất bà B đã chuyển nhượng cho ông Dương Thanh S, nhưng cần thiết phải đưa ông S vào tham gia tố tụng mới đảm bảo quyền lợi cho ông S.

[2.4] Đối với phần đất 8.968m<sup>2</sup> tại đường Sông X, ông H đứng tên kê khai quyền sử dụng đất vào ngày 30 tháng 5 năm 2001, ông xác định nguồn gốc đất là của cha ruột cho. Ngày 29/7/2002 ông H được Ủy ban nhân dân thị xã V cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Trong phần đất này ông có cho em gái là bà Ngô Thị Kim U sử dụng 5,6 công. Năm 2005, em gái ông là bà Ngô Thị Kim U khởi kiện tranh chấp quyền sử dụng đất. Tại bản án dân sự phúc thẩm số: 71/2005/DS - PT ngày 16/5/2005 Tòa án nhân dân tỉnh Hậu Giang xét xử, ổn định cho bà Út 5,6 công. Hiện nay ông H còn đang sử dụng 2,4 công chưa làm lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vì đất đang có tranh chấp. Theo kết quả thẩm định thực tế diện phần đất này có diện tích 2.678,7m<sup>2</sup> thuộc các thửa số 63, 64, 105, 520 tờ bản đồ số 04 tọa lạc tại ấp H 2, xã T, thành phố V, tỉnh Hậu Giang. Trên phần đất của ông H có hai căn nhà, một căn nhà có nguồn gốc của cha mẹ để lại, hiện nay vợ chồng ông H và bà Nguyễn Thị T đang quản lý, sử dụng. Căn nhà còn lại có nguồn gốc là chính sách nhà nước cấp cho ông H 30.000.000 đồng, ông Đ đầu tư xây dựng thành một căn nhà kiên cố, hiện nay gia đình ông Đ đang quản lý sử dụng. Như đã nhận định, diện tích đất này là di sản thừa kế của cụ K và cụ R, nên phải chia cho các đồng thừa kế thì cần phải giải quyết về tài sản trên đất, nhưng Tòa án cấp sơ thẩm quyết định tách ra để giải quyết bằng một vụ án khác là chưa giải quyết toàn diện vụ án. Riêng đối với diện tích 5,6 công đất đã được giải quyết bằng một bản án đã có hiệu lực pháp luật, và bà Ngô Thị Kim U đã từ chối nhận di sản thừa kế, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do vậy, trong vụ án này không xem xét giải quyết chia thừa kế cho bà U.

[3] Tại phiên tòa hôm nay, ông H kháng cáo yêu cầu Tòa án phúc thẩm chia thừa kế quyền sử dụng đất cha mẹ để lại, và giải quyết về căn nhà tình nghĩa cho ông để ông ổn định cuộc sống, thờ phụng cha mẹ. Các nguyên đơn bà Ngô Thị Y, bà Ngô Thị T, bà Ngô Thị Đ1 kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm chia thừa kế bằng hiện vật là quyền sử dụng đất là có cơ sở nên được Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận. Tuy nhiên, Tòa án cấp sơ thẩm đã có nhiều sai sót về nội dung và tố tụng, Tòa án cấp phúc thẩm không thể khắc phục được, nên cần thiết phải hủy toàn bộ bản án sơ thẩm để giải quyết lại, mới đảm bảo được quyền và lợi ích chính đáng của các đương sự.

[4] Quan điểm của Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn có phần phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử phúc thẩm nên được chấp nhận

Quan điểm của Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn không có cơ sở pháp lý nên không được Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận.

[5] Ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên tòa phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

[6] Về án phí sơ thẩm, phúc thẩm và chi phí tố tụng:

Do bản án sơ thẩm bị hủy, các đương sự chưa ai phải chịu án phí. Riêng và các chi phí tố tụng (thẩm định đo vẽ lược đồ, thẩm định giá) ông H đã tạm ứng chi chí, sẽ được xem xét giải quyết khi vụ án được giải quyết lại.

Vì các lẽ trên;

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 3 Điều 148; Khoản 3 Điều 308; Điều 310 Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015;

Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Hủy toàn bộ bản án sơ thẩm số 144/2019/DS - ST, ngày 19 tháng 9 năm 2019 của Tòa án nhân dân thành phố V, tỉnh Hậu Giang. Chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân thành phố V, giải quyết lại vụ án theo thủ tục sơ thẩm.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Nghĩa vụ chịu án phí được xác định lại khi giải quyết lại vụ án theo thủ tục sơ thẩm.

3. Về án phí dân sự phúc thẩm: Không ai phải chịu.

Bà Ngô Thị Y được nhận lại tiền tạm ứng án phí kháng cáo đã nộp theo biên lai thu số 0002815 ngày 03 tháng 10 năm 2019, tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố V, tỉnh Hậu Giang.

Bà Ngô Thị T được nhận lại tiền tạm ứng án phí kháng cáo đã nộp theo biên lai thu số 0002813 ngày 03 tháng 10 năm 2019, tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố V, tỉnh Hậu Giang.

4. Về chi phí tố tụng: Nghĩa vụ chịu chi phí tố tụng được xác định lại khi giải quyết lại vụ án theo thủ tục sơ thẩm.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án (ngày 09/7/2020).

**\* Nơi nhận:**

- VKSND tỉnh Hậu Giang;
- TAND thành phố V;
- Chi cục THADS thành phố V;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Võ Thị Phụng**